

Bản án số: 12/2018/DS - ST
Ngày: 29 - 5 - 2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Quang;

Bà Đinh Thị Hồng Thơm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2017/TLST - DS, ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc “ Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST - DS ngày 16/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Khắc T1, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Khắc T2, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Khắc T3, sinh năm 1949; địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

2. Bà Vũ Thị T4, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Xóm 9, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

3. Anh Vũ Khắc T5, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị T4 và anh Vũ Khắc T5: Ông Vũ Khắc T1, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định (Các văn bản ủy quyền ngày 06/11/2017 và 29/12/2017).

4. Chị Vũ Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Xóm 14, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có đơn xin vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác Nguyễn Phạm Thị B), sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Vũ Khắc T1 trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Vũ Khắc H và cụ Mai Thị T có năm người con gồm ông Vũ Khắc T3, ông Vũ Khắc T1, ông Vũ Khắc T6 (đã chết ngày 19/9/2015, có vợ là bà Nguyễn Thị C, đã ly hôn năm 2010 và hai con là anh Vũ Khắc T5, chị Vũ Thị L), bà Vũ Thị T4 và ông Vũ Khắc T2. Cụ H chết ngày 02/12/1997, cụ T chết ngày 27/02/2008 và không ai để lại di chúc.

Khi còn sống cụ H và cụ T có tài sản là 01 căn nhà tranh tre vách đất mái lợp rạ trên diện tích 990m² đất (đo đạc thực tế là 1097m²) tại thửa số 91, tờ bản đồ số 01 lập năm 1990 tại Xóm 1, xã X có nguồn gốc của tổ tiên để lại. Ông T2 là con út sau khi lập gia đình ở cùng với bố mẹ. Khoảng năm 1984, ông T2 xây ba gian nhà cấp 4, bếp, công trình phụ ở trên đất của bố mẹ. Sau khi cụ H chết, do nhà tranh tre bị sập hỏng nên cụ T ở căn nhà của ông T2 xây, vợ chồng ông T2 đã mua nhà đất chuyển ra ở riêng tại Xóm 7, xã X nhưng thi thoảng có đi về ở với cụ T. Do tuổi già cụ T có giao đất cho vợ chồng ông T2 để quản lý trồng cây tăng gia. Năm 2007 do vợ chồng ông T2 đôi xử tệ bạc nên cụ T họp con cháu lại và tuyên bố không giao đất đai cho vợ chồng ông T2 trồng cây nữa mà lấy lại đất để chia đều cho năm người con thì ông T2 cho rằng đã có giấy chứng nhận đứng tên ông T2 nên không đồng ý chia đất cho các anh chị em. Cụ T đã gửi đơn đến xã X đòi lại đất của ông T2 nhưng chưa được giải quyết thì cụ T chết. Năm 2008 các anh chị em ông đóng góp tiền xây dựng ba gian nhà cấp 4 trên đất của bố mẹ và cho ông T6 đến ở để lo hương khói cho bố mẹ, tổ tiên. Ông T2 đã ngăn cản và kiện ra Tòa nhưng sau đó lại rút đơn. Đến năm 2011 các anh em ông đã xây dựng từ đường trên đất của bố mẹ, khi xây xong phần móng thì ông T2 ngăn cản và chính quyền xã X đã đình chỉ xây dựng.

Năm 2014 các anh em ông đã khởi kiện ông T2 để yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại theo pháp luật. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 40/2015/DS-PT ngày 17/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định công nhận cho vợ chồng ông T2 được quyền sử dụng 1/2 diện tích thửa đất là 548,5m² với lý do khi cụ T còn sống đã tặng cho ông T2, còn 1/2 diện tích thửa đất (tương đương 548,5m²) là phần di sản thừa kế của cụ H đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế thì Tòa án không giải quyết, đồng thời Tòa án đã hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Xuân Trường cấp cho ông T2, bà B ngày 03/12/2002. Từ đó đến nay phần di sản của cụ H do ông T2 quản lý sử dụng chưa được phân chia.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần di sản của cụ Vũ Khắc H do ông Vũ Khắc T2 đang quản lý theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu được chia đất cho ông và ông T3 sử dụng chung để xây dựng từ đường thờ cúng bố mẹ, tổ tiên và nhận chia phần đất đã có móng nhà từ đường.

Tại biên bản lấy lời khai các ngày 06/11/2017, 02/01/2018 và các đơn khiếu

nại, bị đơn là ông Vũ Khắc T2 trình bày:

Ông thống nhất với nguyên đơn về quan hệ huyết thống gia đình, về nguồn gốc đất tranh chấp và thời điểm cụ Vũ Khắc H, cụ Mai Thị T chết. Ngoài ra ông Vũ Khắc T2 còn trình bày: Khi lập gia đình riêng, vợ chồng ông được bố mẹ cho phép xây thêm căn nhà cấp 4 ba gian ở riêng trên đất của bố mẹ, còn bố mẹ ở căn nhà tranh tre vách đất 02 gian. Sau khi cụ H chết nhà tranh tre bị hư hỏng xuống cấp nên đã dỡ đi và cụ T ở chung nhà với vợ chồng ông. Các anh chị em đều đã lập gia đình và ra ở riêng nên nhà đất chỉ có cụ T và vợ chồng ông ở. Năm 2002 cụ T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất sau đó đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng cho vợ chồng ông và vợ chồng ông đã được UBND huyện Xuân Trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất ngày 03/02/2002. Từ khi được cấp giấy chứng nhận vợ chồng ông đã đóng góp nghĩa vụ với nhà nước đầy đủ. Sau khi cụ T chết các anh em, con cháu đã tự ý đến xây dựng 01 căn nhà cấp 4 và 01 móng nhà không hỏi ý kiến trước của vợ chồng ông nên ông đã làm đơn trình báo chính quyền xã đình chỉ xây dựng. Năm 2015 các anh chị em khởi kiện đến Tòa án chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại, ông không đồng ý chia thừa kế vì vợ chồng ông đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Ông không nhất trí yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn vì ông đang khiếu nại bản án dân sự phúc thẩm số 40 ngày 17/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định để yêu cầu xét xử giám đốc thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Khắc T3 trình bày:

Ông thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống gia đình, về nguồn gốc đất tranh chấp và thời điểm cụ Vũ Khắc H, cụ Mai Thị T chết. Ông nhất trí với quan điểm của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Vũ Khắc H, ông đồng ý nhận sử dụng đất chung với ông T1.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2017 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T4 trình bày:

Bà thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống gia đình, về nguồn gốc đất tranh chấp và thời điểm cụ Vũ Khắc H, cụ Mai Thị T chết. Tại phiên tòa bà T4 đồng ý nhường phần di sản thừa kế bà được hưởng của cụ Vũ Khắc H theo pháp luật cho ông Vũ Khắc T3, ông Vũ Khắc T1 sử dụng, không yêu cầu thanh toán chênh lệch tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2017 của anh Vũ Khắc T5 và quá trình giải quyết vụ án ông Vũ Khắc T1 là người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Khắc T5 trình bày:

Anh T5 thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống gia đình, về nguồn gốc đất tranh chấp và thời điểm cụ Vũ Khắc H, cụ Mai Thị T chết. Anh T5 là con đẻ của ông Vũ Khắc T6 và bà Nguyễn Thị C nhưng bố mẹ anh T5 đã ly hôn từ năm 2010, ông T6 đã chết năm 2015 không để lại di chúc gì. Anh T5 đồng ý nhường phần di sản thừa kế được hưởng theo pháp luật cho ông Vũ Khắc T3, ông Vũ Khắc T1 và bà Vũ Thị T4 sử dụng, không yêu cầu thanh toán chênh lệch tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị L trình bày:

Chị thống nhất với lời khai của nguyên đơn quan hệ huyết thống gia đình, về nguồn gốc đất tranh chấp và thời điểm cụ Vũ Khắc H, cụ Mai Thị T chết. Bố mẹ chị là ông Vũ Khắc T6 và bà Nguyễn Thị C có hai con là anh Vũ Khắc T5 và chị, sau đó bố mẹ chị đã ly hôn, đến năm 2015 thì ông T6 chết. Nay chị không yêu cầu gì về quyền lợi của mình mà nhường lại phần di sản thừa kế được hưởng cho các thừa kế khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác Nguyễn Phạm Thị B) vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự cơ bản chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng bà Nguyễn Thị B chưa chấp hành nghiêm túc các giấy báo của Tòa án, vắng mặt không có lý do;

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Khắc T1; chia di sản thừa kế của cụ Vũ Khắc H là 548,5m² đất tại Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cho các thừa kế của cụ H là cụ Mai Thị T, ông Vũ Khắc T1, ông Vũ Khắc T1, ông Vũ Khắc T6, bà Vũ Thị T4 và ông Vũ Khắc T2. Cụ T đã cho đất ông T2 hưởng toàn bộ tài sản của mình khi còn sống nên phần thừa kế của cụ T được chia cho ông T2; ông T6 đã chết nên hai con là anh T5, chị L được hưởng phần thừa kế của ông T6.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là ông Vũ Khắc T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà B không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án để tham gia tố tụng, ông T2 mặc dù có đến Tòa án cung cấp chứng cứ nhưng không tham gia hòa giải và tại phiên tòa đều tự ý bỏ về trước khi khai mạc phiên tòa. Xét thấy ông Vũ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị B đều vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông Vũ Khắc T2, bà Nguyễn Thị B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:* ông Vũ Khắc T1 khởi kiện ông Vũ Khắc T2 yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Vũ Khắc H là quyền sử dụng diện tích 548,5m² đất tại Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định do ông T2 đang quản lý theo quy định của pháp luật; do đó xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại Điều 609 của Bộ luật Dân sự năm

2015. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Xuân Trường nên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về luật áp dụng*: Thời điểm mở thừa kế của cụ Vũ Khắc H là ngày 02/12/1997. Tại thời điểm mở thừa kế của cụ H thì Bộ luật Dân sự năm 1995 đang có hiệu lực nên về nguyên tắc phải áp dụng các quy định về thừa kế tài sản của Bộ luật Dân sự năm 1995 để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên nội dung tranh chấp và nội dung các điều luật quy định về thừa kế của Bộ luật Dân sự năm 1995 cơ bản phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên căn cứ khoản 1 Điều 688 Bộ luật năm 2015 áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản kể từ thời điểm mở thừa kế ...*”. Cụ Vũ Khắc H chết ngày 02/12/1997. Năm 2013 nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H nhưng chưa được Tòa án chấp nhận do hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 645 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Đến ngày 09/10/2017 nguyên đơn khởi kiện lại yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất (bất động sản) của cụ H chưa được phân chia nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[5] *Về di sản thừa kế*: Theo lời khai của các đương sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì vợ chồng cụ Vũ Khắc H, cụ Mai Thị T có tài sản chung là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 01, diện tích 990m² (theo đo đạc thực tế là 1097m²) tại Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Sau khi cụ H chết, cụ T và vợ chồng ông T2, bà B quản lý, sử dụng đất. Ngày 25/4/2012 cụ Mai Thị T (tức Vũ Thị H) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó cụ H đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng thửa đất cho vợ chồng ông T2, bà B và ngày 03/12/2002 ông T2, bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ T chết, vợ chồng ông T2 quản lý, sử dụng đất.

Năm 2013, ông Vũ Khắc T1, ông Vũ Khắc T3, ông Vũ Khắc T6 và bà Vũ Thị T4 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Vũ Khắc H và cụ Mai Thị T theo quy định của pháp luật. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 40/2015/DS-PT ngày 17/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã nhận định, năm 2002 cụ Mai Thị T đã tặng cho ông T2, bà B phần quyền của cụ T đã có hiệu lực pháp luật nên cụ T không còn di sản, di sản thừa kế của cụ Vũ Khắc H đã hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế. Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định bác yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Mai Thị T của các nguyên đơn và công nhận cho ông Vũ Khắc T2, bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng 548,5m² đất trong diện tích 1097m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 01 lập năm 1990 tại Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Xuân Trường cấp cho hộ ông Vũ Khắc T2 ngày 03/12/2002. Bản án phúc thẩm trên đã có hiệu lực pháp luật nhưng ông T2, bà B chưa thi hành theo quyết định của bản án, chưa làm thủ tục kê khai tách thửa cấp lại giấy chứng nhận đối với diện tích đất được công nhận quyền sử dụng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc diện tích đất tranh chấp và định giá tài sản nhưng bị đơn ông Vũ Khắc T2 ngăn cản không cho thực hiện. Vì vậy Tòa án đã T4 thập chứng cứ về đất tranh chấp từ hồ sơ địa chính thửa đất tại các cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền, từ hồ sơ vụ án đã giải quyết năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Các tài liệu, chứng cứ đã được T4 thập trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định phần di sản thừa kế của cụ Vũ Khắc H là 548,5m² đất tại thửa số 91, tờ bản đồ số 01 lập năm 2004 (cũ là thửa số 91, tờ bản đồ số 01 lập năm 1990) tại Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định hiện do ông Vũ Khắc T2 đang quản lý sử dụng. Theo kết quả định giá tài sản ngày 19/01/2018 thì 548,5m² đất di sản của cụ H có trị giá là: 548,5m² x 350.000đ/m² = 191.975.000đ (Một trăm chín mươi một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tài sản gắn liền với diện tích 548,5m² đất di sản của cụ H chưa chia có tường rào do vợ chồng ông T2, bà B xây dựng và cây cối, hoa màu của vợ chồng ông T2; 01 móng nhà, 01 căn nhà cấp 4 đã bị sập mái một phần do ông T1, ông T3, ông T6 (đã chết) xây dựng. Các đương sự thống nhất không phải là tài sản của cụ H nên không yêu cầu phân chia, nếu chia đất thuộc phần của ai thì người đó được sở hữu, sử dụng.

[6] Cụ Vũ Khắc H chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của cụ H được chia theo pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] *Về người thừa kế*: Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì cụ Vũ Khắc H có vợ là cụ Mai Thị T và có 05 con là ông Vũ Khắc T3, ông Vũ Khắc T1, ông Vũ Khắc T6, bà Vũ Thị T4 và ông Vũ Khắc T2. Cụ Mai Thị T chết ngày 27/02/2008, ông Vũ Khắc T6 chết ngày 19/9/2015. Ông Vũ Khắc T6 có vợ là bà Nguyễn Thị C nhưng đã ly hôn năm 2010 và hai con là anh Vũ Khắc T5, chị Vũ Thị L.

Căn cứ theo quy định tại Điều 613, 651 và 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì người thừa kế theo pháp luật của cụ Vũ Khắc H tại thời điểm mở thừa kế là cụ Mai Thị T, ông Vũ Khắc T3, ông Vũ Khắc T3, ông Vũ Khắc T1, ông Vũ Khắc T6, bà Vũ Thị T4 và ông Vũ Khắc T2. Người thừa kế theo pháp luật của ông Vũ Khắc T6 tại thời điểm mở thừa kế của ông T6 là anh Vũ Khắc T5 và chị Vũ Thị L.

Cụ Mai Thị T chết ngày 27/02/2008 nhưng năm 2002 khi còn sống cụ T đã chuyển phần quyền sử dụng đất của cụ T cho ông Vũ Khắc T2 nên phần di sản cụ T được chia từ di sản thừa kế của cụ H thì ông Vũ Khắc T2 được hưởng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị L đồng ý nhường quyền hưởng di sản cho các thừa kế khác; anh Vũ Khắc T5 nhường quyền hưởng di sản cho ông Vũ Khắc T3, ông Vũ Khắc T1 và bà Vũ Thị T4. Tại phiên tòa bà Vũ Thị T4 tự nguyện nhường quyền hưởng di sản cho các ông Vũ Khắc T1, Vũ Khắc T3. Xét thấy việc nhường quyền hưởng di sản của các đương sự đều tự nguyện và không có mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên được chấp nhận.

[8] Di sản thừa kế của cụ Vũ Khắc H là 548,5 m² đất được chia giá trị cho các thừa kế của cụ H như sau: Ông Vũ Khắc T1 được chia suất của ông T1, 1/2 suất của

bà T4, 1/2 suất của anh T5 và 1/3 suất của chị L. Ông Vũ Khắc T2 được chia suất của ông T2, suất của cụ T và 1/3 suất của chị L. Ông Vũ Khắc T3 được chia suất của ông T1, 1/2 suất của bà T4, 1/2 suất của anh T5 và 1/3 suất của chị L.

[9] *Về yêu cầu chia hiện vật:* Ông Vũ Khắc T1 và ông Vũ Khắc T3 đều có yêu cầu được chia đất để sử dụng chung xây dựng nhà thờ cúng bố mẹ, tổ tiên và yêu cầu được chia phần đất đã xây dựng 01 móng nhà từ đường, 01 nhà cấp 4 đã sập mái một phần. Xét cần đảm bảo sử dụng ổn định các công trình xây dựng, thuận lợi cho việc sử dụng và diện tích đất tranh chấp cũng đảm bảo để chia hiện vật cho các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận chia hiện vật theo yêu cầu của các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự.

Đối với công trình xây dựng là tường rào do vợ chồng ông T2 xây dựng trên đất tranh chấp do ông T2 ngăn cản việc đo đạc nên không xác định được số liệu để định giá, không xác định được giá trị. Tại phiên tòa ông Vũ Khắc T1 và ông Vũ Khắc T3 tự nguyện hỗ trợ cho vợ chồng ông T2 3.000.000 đồng chi phí xây dựng là phù hợp thực tế nên ghi nhận sự tự nguyện.

[10] *Về công sức duy trì, bảo quản di sản:* Các đương sự không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã có công sức duy trì, bảo quản di sản, công sức chăm sóc người để lại di sản và đều không có yêu cầu gì về công sức nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] *Về án phí:* Ông Vũ Khắc T1 và ông Vũ Khắc T3 đều là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Khắc T1 và ông Vũ Khắc T3 theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Vũ Khắc T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] *Về chi phí tố tụng:* Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 1.500.000 đồng, ông Vũ Khắc T1 đã nộp tạm ứng đủ. Tại phiên tòa ông T1 tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng trên.

[13] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 609, 613, 620, 623, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 26, 35, 39, 147, 165, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 12 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Vũ Khắc T1.

2. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Vũ Khắc H là 548,5m² đất thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 01 tại Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định có trị giá là 191.975.000đ (Một trăm chín mươi một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Giao cho ông Vũ Khắc T1 và ông Vũ Khắc T3 được quyền sử dụng chung diện tích 417,6m² đất thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 01 tại Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định có trị giá 146.160.000đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) và được sở hữu, sử dụng công trình xây dựng trên đất gồm 01 móng nhà, 01 căn nhà cấp 4 đã hư hỏng, tường rào.

Ranh giới đất như sau: Phía Bắc giáp đường xóm dài 14,41 mét; phía Đông giáp đất của ông T2 dài 26,37 mét; phía Nam giáp đất ông Đ1 dài 16,91 mét; phía Tây giáp đất ông Đ1 và anh Đ2 dài 27,15 mét;

Có sơ đồ cụ thể kèm theo.

4. Giao cho ông Vũ Khắc T2 được quyền sử dụng 130,9m² đất thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 01 tại Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định có trị giá 45.815.000đ (Bốn mươi lăm triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) và được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng trên đất.

Ranh giới đất như sau: Phía Bắc giáp đất của ông T2 dài 6,12 mét; phía Đông giáp đất của ông T2 dài 21,8 mét; phía Nam giáp ruộng dài 5,81 mét; phía Tây giáp đất chia cho ông T1, ông T3 dài 03 mét và giáp đất ông Đ1 gồm hai đoạn có chiều dài lần lượt là 0,41 mét và 20,11 mét;

Có sơ đồ cụ thể kèm theo.

5. Buộc ông Vũ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thu dọn cây cối, hoa màu trên đất và giao lại quyền sử dụng đất được chia cho ông Vũ Khắc T1 và ông Vũ Khắc T3.

6. Các đương sự có trách nhiệm kê khai, đăng ký tách quyền sử dụng đất được giao sử dụng theo quyết định của bản án tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai.

7. Về thanh toán giá trị chênh lệch tài sản và giá trị xây dựng tường rào:

Ông Vũ Khắc T1 và ông Vũ Khắc T3 có nghĩa vụ liên đới thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Vũ Khắc T2 là 23.509.000đ (Hai mươi ba triệu năm trăm linh chín nghìn đồng);

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Khắc T1 và ông Vũ Khắc T3 hỗ trợ tiền xây dựng tường rào cho ông Vũ Khắc T2, bà Nguyễn Thị B là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí, chi phí tố tụng:

8.1. Về án phí: Ông Vũ Khắc T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.466.000đ (Ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

8.2. Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), nguyên đơn ông Vũ Khắc T1 nhận chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

9. Về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Ông Vũ Khắc T1, ông Vũ Khắc T3, bà Vũ Thị T4, anh Vũ Khắc T5 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Ông Vũ Khắc T2, bà Nguyễn Thị B và chị Vũ Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên